

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: **04/2019/HNGĐ-PT**

Ngày 07/3/2019

V/v: “*Xin ly hôn*”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thu Hương

Các Thẩm phán: Ông Vũ Hồng Luyến

Bà Phạm Thị Xuân Đào

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Thuận – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai,

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng Uyên - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 06/2018/TLPT-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2019 về việc “*Xin ly hôn*”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 390/2018/HNGĐ-ST ngày 18/10/2018 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 05/2019/QĐ-PT ngày 20 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Quang H**, sinh năm 1986.

Địa chỉ: C – Đ – K, ấp L, xã T, Tp. B, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị H1**, sinh năm 1989.

Địa chỉ: C – Đ – K, ấp L, xã T, Tp. B, tỉnh Đồng Nai.

(Ông H, bà H1 có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/3/2018, bản tự khai và trong quá trình làm việc, nguyên đơn ông Nguyễn Quang H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị H1 tự nguyện kết hôn và chung sống với nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính cách không phù hợp dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau. Tôi

và bà H1 đã sống ly thân từ tháng 7/2017 cho đến nay. Nay, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên tôi xin ly hôn với bà H1 để trả tự do cho nhau

Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Quang B, sinh ngày 02/01/2010 và Nguyễn Tiến D, sinh ngày 10/7/2016. Ly hôn, tôi xin trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu Quang B và cháu Tiến D và không yêu cầu bà H1 cấp dưỡng nuôi con chung;

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, không có bản tự khai nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà H1.

Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 390/2018/HNGĐ-ST ngày 18/10/2018, Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu “Ly hôn” của ông Nguyễn Quang H.

1. Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Quang H được ly hôn với bà Nguyễn Thị H1.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Nguyễn Quang B, sinh ngày 02/01/2010 và cháu Nguyễn Tiến D, sinh ngày 10/7/2016 cho ông H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, tạm thời bà H1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì không trực tiếp chăm sóc, giáo dục con chung nên bà H1 được quyền thăm nom con không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của trẻ, khi cần thiết ông bà có quyền yêu cầu thay đổi vị trí nuôi các con và mức cấp dưỡng nuôi các con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Do chưa có lời khai của bà H1 nên tách ra giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác nếu sau này các bên có yêu cầu.

Ngoài ra, án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 31/10/2018, bị đơn bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1989 có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: Hủy bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 390/2018/HNGĐ-ST ngày 18/10/2018 của Tòa án nhân dân thành phố B.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng, từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các đương sự tham gia phiên tòa đảm bảo đúng thủ tục, quyền, nghĩa vụ theo quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Tại phiên tòa phúc thẩm do các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc nuôi con chung, theo đó ông H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Quang B, bà H1 trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Tiến D. Xét sự tự thỏa thuận này của các đương sự là tự nguyện và phù hợp pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị H1 làm trong hạn luật định, đóng tạm ứng án phí đúng quy định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo của bà Nguyễn Thị H1 xét thấy:

Bà H1 kháng cáo cho rằng tại cấp sơ thẩm bà không nhận được bất cứ văn bản tài liệu nào của Tòa án tổng đặt cho bà. Tuy nhiên, chứng cứ trong hồ thể hiện Tòa án nhân dân thành phố B đã gửi thông báo thụ lý vụ án, do không tổng đặt trực tiếp được cho bà H1 nên đã niêm yết các văn bản tố tụng cho bà H1 theo đúng quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại biên bản làm việc ngày 16/4/2018 (bút lục số 25) thể hiện bà H1 đã đến Tòa làm việc, Tòa án có hướng dẫn cho bà làm bản tự khai, tuy nhiên bà H1 đề nghị về nhà làm bản tự khai và sẽ nộp lại cho Tòa vào lúc 14h ngày 23/4/2018, bà cam kết nếu đến hạn nêu trên mà bà không nộp thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Như vậy, việc bà H1 cho rằng không nhận được bất cứ văn bản tài liệu nào của Tòa và đề nghị hủy bản án sơ thẩm do vi phạm thủ tục tố tụng là không có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung, hiện hai cháu do bà H1 chăm sóc, nuôi dưỡng. Đối với cháu Nguyễn Quang B, sinh ngày 02/01/2010, cháu có nguyện vọng ở với cha. Cháu Nguyễn Tiến D, sinh ngày 10/7/2016, hiện chưa đủ 36 tháng tuổi. Cấp sơ thẩm giải quyết giao cháu D cho ông H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trong khi bà H1 có đủ điều kiện nuôi con là không phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm ông H, bà H1 thống nhất thỏa thuận ông H trực tiếp nuôi dưỡng cháu B, bà H1 trực tiếp nuôi dưỡng cháu D. Tạm thời không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Xét sự tự thỏa thuận này của các đương sự là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần ghi nhận.

[3] Về án phí: Bà H1 không phải chịu án phí HNGĐ phúc thẩm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì những lẽ trên;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự,

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị H1.

Sửa bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 390/2018/HNGĐ-ST ngày 19/10/2018 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai theo sự thỏa thuận của các đương sự.

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu “Ly hôn” của ông Nguyễn Quang H.

1. Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Quang H được ly hôn với bà Nguyễn Thị H1.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Quang B, sinh ngày 02/01/2010 cho ông H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Tiến D, sinh ngày 10/7/2016 cho bà H1 trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Tạm thời ông Hòa, bà H1 không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì không trực tiếp chăm sóc, giáo dục con chung nên ông Hòa, bà H1 được quyền thăm nom con không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của trẻ, khi cần thiết ông bà có quyền yêu cầu thay đổi vị trí nuôi các con và mức cấp dưỡng nuôi các con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Do các đương sự không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí:

- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Quang H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B theo biên lai thu số 000710 ngày 14/3/2018.

- Về án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị H1 không phải chịu. Hoàn trả cho bà H1 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B theo biên lai thu số 09575 ngày 13/11/2018.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9

Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND TP. Biên Hòa;
- Chi cục THADS TP. Biên Hòa;
- UBND xã Phúc Trạch, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Thu Hương